

Số: 525/QĐ-VP

Hưng Yên, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 696/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính Tổ chức Quản trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh (theo phụ biểu chi tiết đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; Lãnh đạo Văn phòng, phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị và các phòng có liên quan thực hiện Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc nhà nước khu vực IV;
- Kế toán,
- Lưu VT.



Nguyễn Anh Hào

Biểu số 1 - Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Hưng Yên

Chương: 402



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO

Năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 525/QĐ-VP ngày 31/12/2025 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Đơn vị ...	Đơn vị ...
1	2	3	4=5+6+...	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính	62.064			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	15.650			
	Tiết kiệm 10% giao cho đơn vị (nguồn 14)	210			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	46.414			
	Tiết kiệm 10% giữ lại ngân sách tỉnh	790			
	+ Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (mã nguồn 18)	564			
	+ Kinh phí tặng quà cho các đối tượng người nghèo, đặc biệt khó khăn và kinh phí phục vụ trong dịp Tết Nguyên đán	800			
	+ Chi làm việc với cơ quan trung ương, in lịch, thăm hỏi,...	2.000			
	+ Mua xe ô tô (02 xe 7-8 chỗ ngồi 2 cầu: 02 xe * 1,6 tỷ và 01 xe chuyên dùng * 1,6 tỷ)	4.800			
	+ Chi phụ cấp Đại biểu HĐND tỉnh	1.615			
	+ Mua sắm tài sản, trang thiết bị	560			
	+ Phục vụ các kỳ họp HĐND	7.000			
	+ Giao ban, tập huấn, hội thảo	4.700			
	+ Hoạt động của HĐND tỉnh	2.000			
	+ Hoạt động của Đoàn ĐBQH tỉnh	2.500			
	+ Hoạt động của các Ban HĐND tỉnh (Ban KTNS: 1.600tr; Ban Pháp chế: 1.100tr, Ban VHXXH: 1.300tr)	4.000			
	+ In kỷ yếu và các thông tin khác của HĐND	556			
	+ Nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm	1.110			
	+ Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, trang thiết bị	250			
	+ Đặt báo, cước vận chuyển báo cho đại biểu	2.600			
	+ Nâng cấp và duy trì trang điện tử	350			

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Đơn vị ...	Đơn vị ...
	+ Quảng bá, giới thiệu sản phẩm Hưng Yên	667			
	+ Hỗ trợ quỹ Hội đồng hương HY tại các tỉnh	50			
	+ Tuyên truyền trên các báo, tạp chí và truyền hình	556			
	+ Sửa chữa xe ô tô	440			
	+ Bảo hiểm xe ô tô	180			
	+ Cổng thông tin điện tử đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên	778			
	+ Hỗ trợ đi lại theo Nghị quyết 730/NQ-HĐND	486			
	+ Hỗ trợ công chức, nhân viên trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh	1.995			
	+ Thực hiện chế độ, chính sách đối với người tham gia công tác xây dựng pháp luật theo Nghị quyết số 197/2025/QH15	2.042			
	+ Trang phục đại biểu HĐND tỉnh và công chức, nhân viên cơ quan	885			
	+ Kinh phí phục vụ công tác bầu cử	2.500			
	+ Mua sắm bàn ghế, tủ tài liệu, trang thiết bị phòng làm việc và phòng khách	560			
	+ Cải tạo, sửa chữa phòng làm việc	660			

Bằng chữ: Sáu mươi hai tỷ không trăm sáu mươi tư triệu đồng chẵn./.

Biểu số 2 - Theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Hưng Yên
Chương: 402



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 525/QĐ-VP ngày 31/12/2025 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	62.064
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	15.650
	Tiết kiệm 10% giao cho đơn vị (nguồn 14)	210
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	46.414
	Tiết kiệm 10% giữ lại ngân sách tỉnh	790
	+ Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (mã nguồn 18)	564
	+ Kinh phí tặng quà cho các đối tượng người nghèo, đặc biệt khó khăn và kinh phí phục vụ trong dịp Tết Nguyên đán	800
	+ Chi làm việc với cơ quan trung ương, in lịch, thăm hỏi,...	2.000
	+ Mua xe ô tô (02 xe 7-8 chỗ ngồi 2 cầu: 02 xe * 1,6 tỷ và 01 xe chuyên dùng * 1,6 tỷ)	4.800
	+ Chi phụ cấp Đại biểu HĐND tỉnh	1.615
	+ Mua sắm tài sản, trang thiết bị	560
	+ Phục vụ các kỳ họp HĐND	7.000
	+ Giao ban, tập huấn, hội thảo	4.700
	+ Hoạt động của HĐND tỉnh	2.000
	+ Hoạt động của Đoàn ĐBQH tỉnh	2.500
	+ Hoạt động của các Ban HĐND tỉnh (Ban KTNS: 1.600tr; Ban Pháp chế: 1.100tr, Ban VHXXH: 1.300tr)	4.000
	+ In kỷ yếu và các thông tin khác của HĐND	556
	+ Nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm	1.110
	+ Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, trang thiết bị	250
	+ Đặt báo, cước vận chuyển báo cho đại biểu	2.600
	+ Nâng cấp và duy trì trang điện tử	350
	+ Quảng bá, giới thiệu sản phẩm Hưng Yên	667
	+ Hỗ trợ quỹ Hội đồng hương HY tại các tỉnh	50
	+ Tuyên truyền trên các báo, tạp chí và truyền hình	556
	+ Sửa chữa xe ô tô	440
	+ Bảo hiểm xe ô tô	180
	+ Cổng thông tin điện tử đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên	778
	+ Hỗ trợ đi lại theo Nghị quyết 730/NQ-HĐND	486
	+ Hỗ trợ công chức, nhân viên trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh	1.995
	+ Thực hiện chế độ, chính sách đối với người tham gia công tác xây dựng pháp luật theo Nghị quyết số 197/2025/QH15	2.042

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	+ Trang phục đại biểu HĐND tỉnh và công chức, nhân viên cơ quan	885
	+ Kinh phí phục vụ công tác bầu cử	2.500
	+ Mua sắm bàn ghế, tủ tài liệu, trang thiết bị phòng làm việc và phòng khách	560
	+ Cải tạo, sửa chữa phòng làm việc	660

Bằng chữ: Sáu mươi hai tỷ không trăm sáu mươi tư triệu đồng chẵn./.

Hưng Yên, ngày 31 tháng 12 năm 2025

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
NĂM 2026**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2026 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

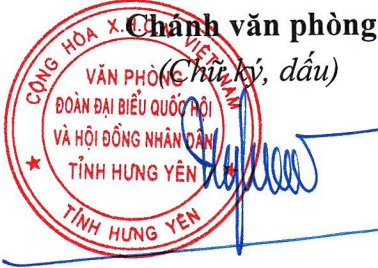
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính	62.064	62.064	100%	100%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	15.650	15.650	100%	100%
	Tiết kiệm 10% giao cho đơn vị (nguồn 14)	210	210		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	46.414	46.414	100%	100%
	Tiết kiệm 10% giữ lại ngân sách tỉnh	790	790		
	+ Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (mã nguồn 18)	564	564		
	+ Kinh phí tặng quà cho các đối tượng người nghèo, đặc biệt khó khăn và kinh phí phục vụ trong dịp Tết Nguyên đán	800	800		
	+ Chi làm việc với cơ quan trung ương, in lịch, thăm hỏi,...	2.000	2.000		
	+ Mua xe ô tô (02 xe 7-8 chỗ ngồi 2 cầu: 02 xe * 1,6 tỷ và 01 xe chuyên dùng * 1,6 tỷ)	4.800	4.800		
	+ Chi phụ cấp Đại biểu HĐND tỉnh	1.615	1.615		
	+ Mua sắm tài sản, trang thiết bị	560	560		
	+ Phục vụ các kỳ họp HĐND	7.000	7.000		
	+ Giao ban, tập huấn, hội thảo	4.700	4.700		
	+ Hoạt động của HĐND tỉnh	2.000	2.000		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	+ Hoạt động của Đoàn ĐBQH tỉnh	2.500	2.500		
	+ Hoạt động của các Ban HĐND tỉnh (Ban KTNS: 1.600tr; Ban Pháp chế: 1.100tr, Ban VHXXH: 1.300tr)	4.000	4.000		
	+ In kỹ yếu và các thông tin khác của HĐND	556	556		
	+ Nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm	1.110	1.110		
	+ Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, trang thiết bị	250	250		
	+ Đặt báo, cước vận chuyển báo cho đại biểu	2.600	2.600		
	+ Nâng cấp và duy trì trang điện tử	350	350		
	+ Quảng bá, giới thiệu sản phẩm Hưng Yên	667	667		
	+ Hỗ trợ quỹ Hội đồng hương HY tại các tỉnh	50	50		
	+ Tuyên truyền trên các báo, tạp chí và truyền hình	556	556		
	+ Sửa chữa xe ô tô	440	440		
	+ Bảo hiểm xe ô tô	180	180		
	+ Công thông tin điện tử đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên	778	778		
	+ Hỗ trợ đi lại theo Nghị quyết 730/NQ-HĐND	486	486		
	+ Hỗ trợ công chức, nhân viên trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh	1.995	1.995		
	+ Thực hiện chế độ, chính sách đối với người tham gia công tác xây dựng pháp luật theo Nghị quyết số 197/2025/QH15	2.042	2.042		
	+ Trang phục đại biểu HĐND tỉnh và công chức, nhân viên cơ quan	885	885		
	+ Kinh phí phục vụ công tác bầu cử	2.500			
	+ Mua sắm bàn ghế, tủ tài liệu, trang thiết bị phòng làm việc và phòng khách	560	560		
	+ Cài tạo, sửa chữa phòng làm việc	660	660		

Bằng chữ: Sáu mươi hai tỷ không trăm sáu mươi tư triệu đồng chẵn./.

Hưng Yên, ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chánh văn phòng
(Chữ ký, dấu)



Nguyễn Anh Hào